

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: **06**/2023/HSST

Ngày: 14/03/2023.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Mai.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Ník Êban.
2. Ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký phiên toà: Ông Y Kăn Niê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 03/2023/TLST - HS, ngày 10 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HS, ngày 01 tháng 03 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thị Thanh T, sinh năm: 1973 tại tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông Trần Quang K, sinh năm 1952 và con bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1955, trú tại tổ 10, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có chồng là Lê Văn L, sinh năm

1967 (đã ly hôn năm 2018) và có 02 con, con lớn sinh năm 1991 và con nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/11/2022 đến ngày 29/11/2022, được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Nhữ Duy T, sinh ngày: 20/4/1992 tại tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nhữ Văn N, sinh năm 1965, trú tại thôn T1, xã T, huyện K và con bà Đoàn Thị N, sinh năm 1963, trú tại xã X, huyện D, tỉnh Hải Dương; Bị cáo có vợ Bùi Thị Kim Y, sinh năm 1995 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/11/2022 đến ngày 29/11/2022, được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: Đào Văn H, sinh ngày: 04/7/1993 tại tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Đào Văn T, sinh năm 1966 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/11/2022 đến ngày 29/11/2022, được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: Võ Nguyên G, sinh ngày: 22/11/1990 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Võ Tá A (đã chết) và con bà Vũ Thị T; Bị cáo có vợ Nguyễn Thúy N, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành

chính; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/11/2022 đến ngày 29/11/2022, được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

5. Họ và tên: Lê Minh D; Sinh ngày 15/5/1992, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 14, thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lê Công M, sinh năm 1954 và con bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1965; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Hoài N, sinh năm 1996 và có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/11/2022 đến ngày 29/11/2022, được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng: Ông Đoàn Minh H, sinh năm: 1974. Nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 26/11/2022, Nhữ Duy T (sinh năm 1992, trú tại thôn 2, xã S, huyện K), Đào Văn H (sinh năm 1993, trú tại Tổ 4, thị trấn E), Võ Nguyên G (sinh năm 1990, trú tại thôn 2, xã S), và Lê Minh D (sinh năm 1992, trú tại thôn 14, thị trấn N, huyện K) cùng nhau đến uống nước ở quán cà phê Thanh T, thuộc Tổ 2, thị trấn N, huyện K, quán do Trần Thị Thanh T, sinh năm 1973, trú tại Tổ 2, thị trấn N làm chủ. Trong lúc ngồi uống nước thì Nhữ Duy T, H, G và D rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền và hỏi mượn nhà của T (nhà ở bên cạnh quán cà phê) để làm địa điểm đánh bạc và thỏa thuận sẽ trả tiền xâu cho T thì được T đồng ý. Sau đó, T đưa chìa khóa nhà cho Nhữ Duy T, rồi Nhữ Duy T, G, H, D cầm theo 01 bàn nhựa và 04 chiếc ghế bằng nhựa đi sang nhà T, T đưa sang 02 bộ bài Tú lơ khơ 52 cây, 06 lon nước ngọt và lấy 01 thùng giấy đặt bên cạnh bàn nhựa để thu tiền xâu. Cả nhóm đánh bạc dưới hình thức đánh bài tiến lên, người về nhất ăn tiền của

người về bét số tiền 200.000đ, người về nhì ăn tiền của người về ba số tiền 100.000đ; trong mỗi ván bài cả nhóm sẽ bốc một cây bài từ bộ bài không sử dụng (còn gọi là cây bài cá), nếu trong ván bài đó người nào có cây bài cá chất cơ hoặc có nhiều cây bài cá hơn thì sẽ ăn tiền của những người còn lại với số tiền 100.000đ/01 cây bài cá. Ngoài ra, trong ván bài nếu bài của người nào có 03 cây bài cùng số, chữ gọi là “khập” thì sẽ ăn tiền của những người còn lại với số tiền 100.000đ/ khập. Ván nào có người thắng số tiền 500.000đ trở lên thì sẽ bỏ 20.000đ tiền xâu vào thùng giấy, khi kết thúc việc đánh bạc số tiền xâu này sẽ đưa hết cho T. Khi tham gia đánh bạc, Nhữ Duy T mang theo số tiền 7.000.000đ, Đào Văn H mang theo số tiền 3.940.000đ, Võ Nguyên G mang theo số tiền 8.000.000đ và Lê Minh D mang theo số tiền 1.000.000đ; toàn bộ số tiền mang theo các đối tượng đều sử dụng vào mục đích đánh bạc. Đánh đến khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày, D thua hết tiền nên không tham gia đánh bạc nữa mà ngồi xem T, H, G đánh bạc thì bị Công an huyện K phát hiện bắt quả tang Nhữ Duy T, H, G, D cùng số tiền thu giữ tại chiếu bạc và trên người các bị can là 19.940.000đ (trong đó có 19.700.000đ thu giữ trên bàn nhựa và trong người các bị cáo; 240.000đ tiền xâu thu giữ trong thùng giấy) cùng các tang vật có liên quan.

Cáo trạng số: 06/CT – VKS, ngày 09 tháng 02 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo Trần Thị Thanh T, Nhữ Duy T, Đào Văn H, Võ Nguyên G và Lê Minh D về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Thị Thanh T, Nhữ Duy T, Đào Văn H, Võ Nguyên G và Lê Minh D thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu và không có ý kiến gì khác.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện K thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng số: 06/CT – VKS ngày 09 tháng 02 năm 2023. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố các

bị cáo: Trần Thị Thanh T, Nhữ Duy T, Đào Văn H, Võ Nguyên G và Lê Minh D phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nhữ Duy T và bị cáo Võ Nguyên G mỗi bị cáo mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Minh D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Đào Văn H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

+ Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 19.940.000đ (mười chín triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng), đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 14/02/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (biên lai thu tiền số 5952 ngày 14/02/2023).

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài Tú lơ khơ 52 cây; 01 bàn bằng nhựa màu cam, kích thước 65 x 44cm, cao 50cm; 04 ghế bằng nhựa, màu cam cao 63cm, mặt ghế kích thước 32 x 32cm; 01 thùng bằng giấy catton màu xanh trắng, kích thước

(39 x 27 x 22) cm, có in dòng chữ Aquafina; 06 vỏ lon nước ngọt nhãn hiệu Sting, màu đỏ (đã qua sử dụng).

Chấp nhận bị cáo Trần Thị Thanh T đã tự nguyện giao nộp số tiền 5.576.000đ (Năm triệu năm trăm bảy sáu nghìn đồng) tổng giá trị tài sản của căn Phòng bếp của bị cáo T dùng vào việc phạm tội để sung công quỹ Nhà Nước, số tiền này đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện K theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0003040, ngày 10/3/2023.

Tại phiên tòa các bị cáo: Trần Thị Thanh T, Nhữ Duy T, Đào Văn H, Võ Nguyên G và Lê Minh D không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, của Viện kiểm sát nhân dân huyện K và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố, điều tra thu thập chứng cứ vụ án đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở pháp lý xác định: Với mục đích nhằm thu lợi bất chính nên vào khoảng 13 giờ ngày 26/11/2022, các

bị cáo Nhữ Duy T, Đào Văn H, Võ Nguyên G và Lê Minh D tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh tiền lên thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng; bị cáo Trần Thị Thanh T chuẩn bị địa điểm thuộc quyền quản lý của mình, dụng cụ để các đối tượng đánh bạc và thu tiền xâu tại căn phòng bếp nhà T ở Tổ 2, thị trấn N, huyện K để T nhận tiền xâu thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ tổng số tiền 19.940.000 đồng, trong đó thu giữ tiền trên bàn nhựa và trong người các bị cáo là 19.700.000đ; 240.000đ tiền xâu đựng trong thùng giấy.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng là khách thể được pháp luật đặc biệt quan tâm bảo vệ, các bị cáo thực hiện hành vi bởi lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đối với các bị cáo Trần Thị Thanh T, Nhữ Duy T, Đào Văn H, Võ Nguyên G và Lê Minh D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương và là một trong những nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác.

Xét về ý thức: Các bị cáo là những người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo nhận thức được mọi hành vi đánh bạc trái phép đều bị pháp luật xử lý nghiêm minh. Tuy nhiên xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật nên các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức

đánh tiền lên thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng. Số tiền các bị cáo mang theo dùng vào việc đánh bạc thu trên chiếc bạc và thu trên người các bị cáo tổng cộng là 19.940.000 đồng. Với hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo, HĐXX xét thấy cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo. Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng cần đánh giá vai trò và nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo Trần Thị Thanh T là người có vai trò chuẩn bị địa điểm thuộc quyền quản lý của mình, công cụ là bài đề các bị cáo khác đánh bạc và thu tiền xâu. Thu lợi bất chính số tiền 240.000đ từ việc đánh bạc. Đối với các bị cáo Nhữ Duy T và Võ Nguyên G: Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo dùng số tiền để tham gia đánh bạc nhiều hơn so với các bị cáo khác. Bị cáo Nhữ Duy T sử dụng số tiền đánh bạc là 7.000.000 đồng và bị cáo G sử dụng số tiền đánh bạc là 8.000.000 đồng. Tuy nhiên xét về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T đã tự nguyện nộp số tiền 5.576.000đ (Năm triệu năm trăm bảy sáu nghìn đồng) tổng giá trị tài sản của căn Phòng bếp mà bị cáo dùng vào việc phạm tội nên HĐXX áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T.

Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt mà áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt đối với các bị cáo Trần Thị Thanh T, Nhữ Duy T và Võ Nguyên G là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với các bị cáo Đào Văn H và Lê Minh D: Số tiền các bị cáo dùng để tham gia đánh bạc ít hơn so với các bị cáo khác; Các bị cáo có nhân thân tốt, nhất

thời phạm tội; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, trước khi phạm tội các bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật của nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng hình phạt cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú, cũng đảm bảo tính giáo dục riêng và ngăn ngừa chung, là phù hợp cần chấp nhận.

Xét mức thu nhập: Các bị cáo đều khó khăn về kinh tế, bị cáo H làm nghề lái xe thuê, bị cáo D buôn bán không có thu nhập ổn định nên HĐXX miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[3] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Đối với số tiền 19.940.000đ (mười chín triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng), đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 14/02/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (biên lai thu tiền số 5952 ngày 14/02/2023).

+ Đối với 02 bộ bài Tú lơ khơ 52 cây; 01 bàn bằng nhựa màu cam, kích thước 65 x 44cm, cao 50cm; 04 ghế bằng nhựa, màu cam cao 63cm, mặt ghế kích thước 32 x 32cm; 01 thùng bằng giấy catton màu xanh trắng, kích thước (39 x 27 x 22) cm, có in dòng chữ Aquafina; 06 vỏ lon nước ngọt nhãn hiệu Sting, màu đỏ (đã qua sử dụng), là công cụ các bị cáo dùng phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Chấp nhận bị cáo Trần Thị Thanh T đã tự nguyện giao nộp số tiền 5.576.000đ (Năm triệu năm trăm bảy sáu nghìn đồng) tổng giá trị tài sản của căn

Phòng bếp của bị cáo T dùng vào việc phạm tội để sung công quỹ Nhà Nước, số tiền này đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện K theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0003040, ngày 10/3/2023.

[4] Xét thấy đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo: Trần Thị Thanh T, Nhữ Duy T, Đào Văn H, Võ Nguyên G và Lê Minh D phạm tội “Đánh bạc”; Phân trách nhiệm hình sự; phần xử lý vật chứng là có căn cứ đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị Thanh T, Nhữ Duy T, Đào Văn H, Võ Nguyên G và Lê Minh D phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

2. Xử phạt bị cáo Nhữ Duy T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Xử phạt bị cáo Võ Nguyên G 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị Thanh T cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk kết hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Nhữ Duy T và Võ Nguyên G cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk kết hợp với gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và điều 36 của Bộ luật Hình sự.

4. Xử phạt bị cáo Đào Văn H 01 (một) năm 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/11/2022 đến ngày 29/11/2022 là 03 ngày, bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành là 01 (một) năm 07 (bảy) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và điều 36 của Bộ luật Hình sự.

5. Xử phạt bị cáo Lê Minh D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/11/2022 đến ngày 29/11/2022 là 03 ngày, bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Các bị cáo Đào Văn H và Lê Minh D được miễn khấu trừ thu nhập.

Giao bị cáo Đào Văn H cho UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục người bị kết án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn K trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Lê Minh D cho UBND thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục người bị kết án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn N trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

- Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 19.940.000đ (mười chín triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 14/02/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (biên lai thu tiền số 5952 ngày 14/02/2023).

+ Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài Tú lơ khơ 52 cây; 01 bàn bằng nhựa màu cam, kích thước 65 x 44cm, cao 50cm; 04 ghế bằng nhựa, màu cam cao 63cm, mặt ghế kích thước 32 x 32cm; 01 thùng bằng giấy catton màu xanh trắng, kích thước (39 x 27 x 22) cm, có in dòng chữ Aquafina; 06 vỏ lon nước ngọt nhãn hiệu Sting, màu đỏ (đã qua sử dụng), là công cụ các bị cáo dùng phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

+ Chấp nhận bị cáo Trần Thị Thanh T đã tự nguyện giao nộp số tiền 5.576.000đ (Năm triệu năm trăm bảy sáu nghìn đồng) tổng giá trị tài sản của căn Phòng bếp của bị cáo T dùng vào việc phạm tội để sung công quỹ Nhà Nước, số tiền này đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện K theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0003040, ngày 10/3/2023.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các Trần Thị Thanh T, Nhữ Duy T, Đào Văn H, Võ Nguyên G và Lê Minh D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Công an huyện E;
- *Cơ quan THA Hình sự huyện K;*
- *UBND thị trấn N;*
- *UBND thị trấn K;*
- *Các bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Võ Thị Mai